

ĐỀ THI MÔN: HỆ QUẢN TRỊ CSDL ORACLE

Đề 1

Thời gian làm bài: 90 phút

(Đề thi bao gồm 4 trang - Học viên không được phép xem tài liệu)

<input type="checkbox"/> Họ và tên:	Chữ ký và họ tên Cán bộ coi thi	Điểm số:
<input type="checkbox"/> MSSV: Lớp:		
<input type="checkbox"/> Ngày thi:		Điểm chữ:

Phần 1: BẢNG TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM: (Chọn: ✕ - Bỏ chọn: ⊗ - Chọn lại: ●)

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

ĐỀ THI

PHẦN 1: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7 điểm, 20 câu)

Câu 1. Chọn câu trả lời đúng cho hàm TO_CHAR?

- A. Chuyển 10 thành 'TEN'
- B. Chuyển 'TEN' thành 10
- C. Chuyển '10' thành 10
- D. Chuyển 10 thành '10'

Câu 2. Để hiển thị những nhân viên có kí tự thứ 2 trong tên là "A", câu lệnh SQL nào là hợp lệ.

- A. SELECT last_name
FROM EMP
WHERE last name ='*A%';
- B. SELECT last_name
FROM EMP
WHERE last name ='_A%';
- C. SELECT last_name
FROM EMP
WHERE last name LIKE '*A%'
- D. SELECT last_name
FROM EMP
WHERE last_name LIKE '_A%';

Câu 3. Mệnh đề nào sau đây sử dụng trong câu lệnh SELECT để hiển thị những người có mức lương > 500

- A. ORDER BY SALARY > 500
- B. GROUP BY SALARY > 500
- C. WHERE SALARY > 500
- D. HAVING SALARY > 500

Câu 4. Điều gì làm cho vòng lặp WHILE ngừng lặp?

- A. Khi điều kiện được đánh giá là NULL
- B. Khi điều kiện được đánh giá là FALSE
- C. Khi điều kiện được đánh giá là TRUE
- D. Câu lệnh EXIT luôn luôn được sử dụng để kết thúc vòng lặp.

Câu 5. Dòng code nào sau đây bị lỗi?

- 1 CREATE TABLE FRUITS_VEGETABLES
- 2(QUANTITY NUMBER,
- 3 FRUIT_TYPE VARCHAR2,
- 4 FRUIT_NAME CHAR (20),
- A. Dòng 1 B. Dòng 2 C. Dòng 3 D. Dòng 4

Câu 6. Chọn cách khai báo biến nào sau đây trong PL/SQL block biết rằng biến V_X có kiểu dữ liệu trùng với kiểu dữ liệu của cột MAHANG trong table HANGHOA?

- A. V_X NUMBER;
- B. V_X VARCHAR2;
- C. V_X HANGHOA.MAHANG%TYPE;
- D. V_X MAHANG.HANGHOA%TYPE;

Trường Đại học Công nghệ Thông tin
Khoa Hệ thống Thông tin

Câu 7. Trong SQL* Plus thực hiện câu lệnh sau:

SELECT * FROM orders;

Câu lệnh trên được sử dụng để truy xuất dữ liệu từ bảng ORDER để

- A. Cập nhật (Updating)
- B. Thêm (Inserting)
- C. Xóa (Deleting)
- D. Hiển thị (Viewing)

Câu 8. Câu lệnh nào sau đây trả về số lượng khách hàng

- A. SELECT COUNT(*) FROM customers;
- B. SELECT TOTAL(firstname) FROM customers;
- C. SELECT COUNT(customers) FROM customers;
- D. SELECT TOTAL(*) FROM customers;

Câu 9. Cấu trúc lặp nào ước lượng điều kiện trước khi vào vòng lặp và không thực hiện vòng lặp nếu giá trị của điều kiện là FALSE

- A. FOR...LOOP
- B. WHILE...LOOP
- C. LOOP
- D. GOTO

Câu 10. Khi PL/SQL block sau thực thi, giá trị V1 sẽ là gì?

```
DECLARE
    V0 INT;
    V1 BOOLEAN;
BEGIN
    BEGIN
        SELECT COUNT(*) INTO V0 FROM EMP;
    END;
    BEGIN
        V1 := SQL%FOUND;
    END;
END;
```

- A. NULL
- B. TRUE
- C. FALSE
- D. Đoạn code không làm việc.

Câu 11. Phần nào trong khối lệnh PL/SQL xử lý lỗi hoặc các điều kiện bất thường?

- A. Phần DECLARE
- B. Phần thân
- C. Phần EXCEPTION
- D. Phần ANONYMOUS

Câu 12. Trong table CHECKING, giá trị BALANCE của tài khoản có mã số 'A' (ACCOUNT_ID = 'A') trong PL/SQL sau bằng mấy?

```
BEGIN
    UPDATE checking SET balance = 5000 WHERE
account_id = 'A';
    SAVEPOINT save_A;
    UPDATE checking SET balance = 7500 WHERE
account_id = 'A';
    SAVEPOINT save_A2;
    UPDATE checking SET balance = 3000 WHERE
account_id = 'A';
    SAVEPOINT save_A3;
    ROLLBACK TO SAVEPOINT save_A;
END;
COMMIT;
```

- A. 5000 B. 7500 C. 3000 D. 25000

Câu 13. Lệnh nào sau đây làm mất hiệu lực các trigger trên bảng EMP

- A. ALTER TRIGGERS ON TABLE EMP DISABLE;
- B. ALTER EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- C. ALTER TABLE EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- D. Không có câu lệnh nào cả

Câu 14. Lệnh nào sau đây làm mất hiệu lực các trigger trên bảng EMP

- A. ALTER TRIGGERS ON TABLE EMP DISABLE;
- B. ALTER EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- C. ALTER TABLE EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- D. Không có câu lệnh nào cả

Câu 15. Các quyền của System Privileges bao gồm:

- A. SELECT, INSERT, UPDATE
- B. DELETE, ALTER
- C. INDEX, REFERENCES.
- D. Tất cả các quyền trên.

Câu 16. Câu lệnh sau thực hiện điều gì?
alter user effie identified by kerberos;

- A. Tạo một user effie.
- B. Thay đổi user effie thành 1 user toàn cục.
- C. Đổi mật khẩu cho user effie.
- D. Cả 3 câu trên đều sai.

Câu 17. Để tìm nhân viên sinh vào khoảng 1965 và 1977, câu lệnh nào sau đây là đúng?

- A. SELECT * FROM NHANVIEN
WHERE To_number(To_char(NGAYSINH,'yyyy'))
BETWEEN 1965 AND 1977
- B. SELECT * FROM NHANVIEN
WHERE To_char(NGAYSINH,'yyyy')
BETWEEN 1965 AND 1977
- C. SELECT * FROM NHANVIEN
WHERE To_number (NGAYSINH,'yyyy')
BETWEEN 1965 AND 1977
- D. Tất cả các câu đều đúng

Câu 18. Câu lệnh sau có ý nghĩa gì:

ALTER ROLE "QuanTriSV" IDENTIFIED "123456"

- A. Tạo role "QuanTriSV" có password là "123456"
- B. Thay đổi password mới cho role "QuanTriSV" là "123456"
- C. Xóa role "QuanTriSV" có password là "123456"
- D. Gán password là "123456" cho role "QuanTriSV".

Câu 19. Trong Oracle, Sequence là gì?

- A. Là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động, thường hay sử dụng trong câu lệnh CREATE trong khi tạo bảng.
- B. Là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp, thường hay sử dụng trong câu lệnh INSERT để nhập dữ liệu cho bảng.
- C. Sequence là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động, thường hay sử dụng trong câu lệnh INSERT để nhập dữ liệu cho bảng
- D. Sequence là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động.

Câu 20. Lệnh nào sau đây dùng để cấp phát quyền:

- A. REVOKE
- B. CREATE
- C. GRANT
- D. Không có câu nào đúng

PHẦN 2: PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Cho lược đồ CSDL Quản lý bán hàng như sau:

DOCGIA (MaDG, HoTen, NgaySinh, NgayDangKi)
SACH (MaSach, TenSach, TheLoai, MaNXB)
NHAXUATBAN (MaNXB, TenNXB, Diachi, Dienthoai)
PHIEUMUON (MaDG, MaSach, NgayMuon, NgayTra)

Lưu ý: Khóa chính được gạch chân.

Viết bằng PL/SQL thực hiện các công việc sau:

1. In ra danh sách các độc giả (MaDG, HoTen) mượn sách "Cơ sở dữ liệu". **(1 điểm)**
2. In ra danh sách các quyền sách không được mượn. **(1 điểm)**
3. Viết ràng buộc trigger sau khi thêm mới một độc giả thì hiển thị thông báo "Đã thêm thành công". **(0.5 điểm)**
4. Viết thủ tục store procedure truyền vào tên nhà xuất bản, in ra danh sách các quyền sách (MaSach, TenSach) của nhà xuất bản đó. **(0.5 điểm)**

== HẾT ==

